

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17/01/2022

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Sỹ Phác

2. Bà Hoàng Thị Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:** bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị X, sinh năm 1973 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 10, xã R, huyện M, tỉnh N.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn X, sinh năm 1973 – vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 10, xã R, huyện M, tỉnh N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 07/10/2021, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Chị Chu Thị X trình bày: Vào năm 2004 chị X, anh X đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã R, huyện M, tỉnh N. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, anh X không chăm lo cuộc sống gia đình, không khí trong gia đình ngày càng trầm trọng nên anh, chị ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

Về con chung: Chị và anh X có 06 con chung gồm: Hoàng Văn H, sinh năm 1990, Hoàng Văn L, sinh năm 1992, Hoàng Văn N, sinh năm 1996, Hoàng Thị T, sinh

năm 1998, Hoàng Văn T, sinh năm 2001, Hoàng Thị T, sinh năm 1994. Do con chung đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

- Kết quả thu thập chứng cứ: Tại biên bản xác minh ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị X với anh X thì chính quyền địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn anh, chị không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Chu Thị X đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn X đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Chu Thị X. Chị Chu Thị X được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

- Về con chung: Do con chung đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên Chị Chu Thị X không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không có.

- Về án phí: Chị Chu Thị X phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Chu Thị X yêu cầu xin ly hôn với anh Hoàng Văn X, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (*Xin ly hôn*) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Hoàng Văn X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 10, xã R, huyện M, tỉnh N. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Hoàng Văn X, trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn X vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không tiến hành hòa giải được; Ngày 10/12/2021, Tòa án nhân dân huyện M đã thông báo cho anh Hoàng Văn X biết toàn bộ nội dung kết quả mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Hoàng Văn X vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của anh Hoàng Văn X đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Hoàng Văn X phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện M tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn X là phù hợp.

Chị Chu Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Chu Thị X.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị X và anh Hoàng Văn X là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ; giữa anh, chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị X thừa nhận chị không còn tình cảm với anh X, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của anh chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị X và giải quyết chị X được ly hôn với anh X.

[4] Về con chung: Do con chung đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên Chị Chu Thị X không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Trong thời gian chung sống, anh, chị không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì nên không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Chu Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Chu Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Chu Thị X được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

2. Về con chung: không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Chu Thị X phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000518 ngày 12/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh N.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã R;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Nguyễn Thế Thắng**